

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Số: 44/2024/QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 10 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Quy định diện tích đất sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ khoản 3 Điều 218 Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 404/TTr-STNMT ngày 12 tháng 10 năm 2024; trên cơ sở kết quả biểu quyết của các thành viên UBND thành phố tại cuộc họp ngày 15 tháng 10 năm 2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định diện tích đất sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo khoản 3 Điều 178 Luật Đất đai năm 2024.

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Cá nhân (hoặc hộ gia đình), cộng đồng dân cư sử dụng đất nông nghiệp và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

### **Điều 3. Điều kiện áp dụng**

1. Thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và còn thời hạn sử dụng đất.

2. Diện tích đất nông nghiệp của khu đất đang sử dụng từ 500 m<sup>2</sup> trở lên (bao gồm một thửa đất hoặc nhiều thửa đất liền kề của cùng người sử dụng đất).

3. Không thuộc trường hợp phải chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại Điều 121 Luật Đất đai năm 2024.

### **Điều 4. Diện tích đất sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp**

1. Diện tích khu đất từ 500 m<sup>2</sup> đến 5.000 m<sup>2</sup> được sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 25 m<sup>2</sup>.

2. Diện tích khu đất từ 5.000 m<sup>2</sup> đến 10.000 m<sup>2</sup> được sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 50 m<sup>2</sup>.

3. Diện tích khu đất từ 10.000 m<sup>2</sup> trở lên được sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 75 m<sup>2</sup>.

4. Công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp được xây dựng tại nhiều vị trí trong khu đất, nhưng tổng diện tích không vượt quá quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này.

### **Điều 5. Trách nhiệm thi hành**

1. Người sử dụng đất quy định tại Điều 2 Quyết định này có nhu cầu xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp thì gửi thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, lập hồ sơ theo dõi việc xây dựng công trình trên đất theo đúng quy định này.

### **Điều 6. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2024.

2. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện kịp thời phản ánh các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

### **Điều 7. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tư pháp, Nội vụ, Tài chính,



Xây dựng, Thông tin và Truyền Thông; Chủ tịch UBND các quận, huyện; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *TW*

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ TN&MT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- TT.TU, TT.HĐND thành phố;
- Chủ tịch, các PCT UBND thành phố;
- UBMTTQVN thành phố và các hội, đoàn thể;
- Các Sở, ban ngành thành phố;
- UBND các quận, huyện, xã, phường;
- Công thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, ĐTĐT, STNMT. *4SU*



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

*KT* CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

*Lê Quang Nam*  
Lê Quang Nam